

NGŨ LIỆU TRUYỆN NGẮN HIỆN ĐẠI

1.

Tìm cha

Bóng thằng Hưng nhỏ bé, khoác gió nệm nổi bật giữa bùng biển vào lúc trời chiều vàng rực làm cả trại chú ý, xôn xao. Trên con đường đất đỏ, băng qua vùng cỏ năn xanh rờn một màu xanh man dại điểm vài bụi mua vàng vọt này thường không có bóng người. Sáng sớm hoặc chiều tối mới có những chiếc xe tải chở tù nhân lao động ở các chốt về. Con đường này không bao giờ có bóng trẻ em đi một mình vì nó là đoạn đường cụt nối vào trại giam.

Khi thằng Hưng vào đến cổng trại thì trưởng trại cũng vừa lững thững ra đến phòng trực. Giấu vẻ ngạc nhiên, ông vẫy nó lại gần:

- Con đến đây có chuyện chi?

- Dạ! Con đến tìm ba - Thằng Hưng tự tin trả lời, rồi nói thêm - Ba con là Hai Hôn...

Ra nó là con Hai Hôn, luôn nhậu nhẹt, say xỉn, quậy phá, đánh vợ, đánh con, đã được chính quyền địa phương giáo dục nhiều lần nhưng không chịu sửa chữa. Lần nhậu xỉn cuối cùng, y đánh vợ trọng thương. Lúc đưa đến bệnh viện, vợ y đã chết, để lại đứa con trai nhỏ tròn 5 tuổi. Như vậy bây giờ nó đã là 6 tuổi rồi. Trưởng trại quay lại bảo anh cảnh sát trong phòng trực: "Dẫn Hai Hôn ra đây".

Trong lúc chờ Hai Hôn, ông tranh thủ quan sát cậu bé có mái tóc đỏ hoe, gầy gò, quần áo cũ kỹ, toàn thân nhuốm đỏ lớp bụi đường, càng đỏ hơn dưới ánh nắng chiều sắp tắt. Nó không mệt mà cặp mắt ánh lên vẻ nôn nao chờ đợi được gặp cha.

- Làm sao con biết được ba ở đây mà kiếm? - Trưởng trại hỏi.

- Dạ! Thằng Hưng kể lễ bằng giọng vui vẻ. - Hồi trước nội nói ba đi làm xa, khi con lớn, ba mới về. Hôm bệnh quá, nội con mới nói cho con biết ba ở đây. Sáng nay con ra bến xe, hỏi đường lên đây. Các dì, các chú dẫn con đi, cho con ăn, cho con nhiều tiền nữa... Thằng Hưng móc xấp tiền giấy lộn xộn gồm những tờ 2.000, 5.000 và cả những tờ 200, 500 đồng nhàu nát cho trưởng trại xem. Ông xua tay, bảo nó cất đi; vừa lúc đó, Hai Hôn được dẫn đến.

- Ba!... Thằng Hưng liú lười gọi và ào đến ôm ba nó. Hai Hôn gỡ tay con, liếc mắt nhìn trại trưởng. Thấy không cần thiết, ông bước ra ngoài, lòng thầm nghĩ cách bố trí cho hai bố con tù nhân một nơi ngủ tử tế. Còn ngày mai, để rồi tính sau vậy. Đây là lần đầu tiên ông phải gặp trường hợp khó xử như vậy.

Hai Hôn cố giấu sự bối rối, cau có hỏi con:

- Mà lên đây một mình à

- Dạ! - Thằng Hưng hồ hồ - Con lên đây ở với ba luôn.

Hai Hôn sa sầm mặt, chưa xót:

- Ở đây rồi mai về với nội. Nhà tù không có chỗ cho con nít.

- Ba không biết à? - Thằng Hưng bật khóc oà lên - Nội chết rồi! Con chỉ còn ba nữa thôi! Con không ở với ba thì ở với ai?!...

Hai Hôn bàng hoàng đứng chết lặng. Thằng Hưng cứ nắm tay hấn mà lắc, mà van xin:

- Con không quậy phá đâu. Con đem hết áo quần, cả vở, bút chì lên đây. Con học. Con quét nhà, nấu cơm, giặt đồ cho cả ba nữa. Con biết làm nhiều việc lắm! Ba cho con ở tù với ba!

- Con!... Lần đầu tiên trong đời, Hai Hơn thốt lên câu đó và ôm chặt lấy con mình. Khuôn mặt hấn nhấn nhúm trông đến thảm hại. Sự đau đớn và bối rối của hắn lan sang cả mấy chiến sĩ cảnh sát còn trẻ, khiến cho hoàng hôn tím lại trong bóng tối nhập nhoà đang lan tới...

(Lê Thanh Huệ, 100 truyện ngắn cực hay, NXB Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, năm 1999)

* Chú thích:

- Nhà văn Lê Thanh Huệ sinh: 01 - 10- 1961 ở Triệu Thành, Triệu Phong, Quảng Trị. Hiện thường trú tại phường Tân Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Là hội viên Hội Nhà báo Việt Nam. Hội viên Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh.

- Truyện ngắn *Tìm cha* đạt giải ba cuộc thi truyện rất ngắn của Tạp chí Thế giới tổ chức năm 1994 được Đài Truyền hình Việt Nam sử dụng làm kịch bản cho phim truyện truyền hình. *Tìm cha* được Đài Truyền Hình Việt Nam phát sóng lần đầu tiên trên kênh VTV 3 chương trình Văn nghệ chủ nhật 6/8/2000...

2.

Thợ đào đá truyền kiếp

Hố nhỏ đã thành hố lớn, rồi thành ao cạn, còn xung quanh đất cao dần lên mãi, chát ngất lưng chừng trời.

Nhưng dù có cao nữa, tới tận đỉnh trời, thì lão cũng phải đào cho kỳ cùng, phải làm rõ thực hư - bấy lâu nay lão nằm mơ hay tỉnh?

Nếu tỉnh thì mọi chuyện xảy ra lâu lắm rồi, từ khi lão mới ngoài ba mươi, nhà lão chưa bị bão cuốn đi, còn chỗ này là cây ổi dại, cao ngang đầu người, quả sần sùi như bị mụn cơm, thỉnh thoảng lão buồn tay hái về chấm muối, ăn chát xít.

[**Lược một đoạn:** Lão nghèo, làm nghề đào đá ong để kiếm sống, quanh năm đi đôi giày lính cũ của cha. Trong làng, lão hay bị trêu chọc vì chưa có vợ, nhưng lão không để tâm. Lão từng làm giúp việc nặng cho nhà Cả Lễ. Đó là lần đầu tiên lão được ăn thịt gà (do con gà không may bị chết) và cũng lần đầu gặp cô Bống, con gái ông Cả. Từ đó, lão thương thầm cô Bống. Lão ở gần bờ suối, nơi có lão Phụng Sò già chột mắt, thường đánh xe bò đến chở đá đi bán cho phu mỏ.]

Một hôm lão nghe tiếng thằng Túc. Vẫn tiếng khóc hôm con gà mái mơ của nó bị vật lông. Hoá ra nó đi tìm bê lạc. Lão vừa trông thấy con bê ấy lớn vồn đâu đây. Con bê tuyệt đẹp, mũi héch, xoáy trên mông mượt như một khóm vậy nà. (1)

Lão bắt giắc nhớ đến vị ngọt của thịt gà.

[**Lược một đoạn:** Lão giết con bê. Thằng Túc đã nhìn thấy hành động đó của lão.]

Tiếng kêu thảng thốt của thằng Túc khiến lão giật mình. Hai tay giật bắn, lão từ từ đứng dậy. Không biết mặt lão lúc đó ra sao, nhưng thằng Túc vụt nín bật rồi bất ngờ vùng chạy. Lão như bưng tỉnh. “Nó là em cô Bống” - Lão chỉ kịp nghĩ vậy. Lão chớp lấy chiếc thố, đuổi theo. Thằng Túc không chạy nổi. Nó bò, tay chân cào cào như bị bóng đè. Cái gáy nó bé tẹo, loe toe những sợi tóc vàng cháy vì phơi nắng.

Trời ơi! Con quỷ nào đã khiến lão trở nên độc ác và khát máu? Đến tận bây giờ lão vẫn không sao quên được hình ảnh thằng Túc nằm sóng soài trên mặt đất, chân tay duỗi ra, chẳng khác nào một con chim non bị ném từ cành cao xuống. Máu rỉ ra hai bên mang tai. Chỉ một nhát cán thó đã là quá thừa với nó.

Lão bế thằng Túc lên tay. Người nó mềm và ấm, có cảm tưởng đang ôm một con chó cún. Bây giờ thì chính lão bị bóng đè. Bập bồng như đi trên mây, lão leo ngược sườn đồi, bới đất, chôn thằng Túc dưới gốc ổi.

Lão không quên xoa sạch dấu vết trước khi xuống suối. Nước lạnh làm người ta bình tĩnh lại. Cỏ và cành khô không thiếu. Lão nhóm lửa ngay cạnh cây ổi. Con bê vẫn đau đầu nhìn. Hai nhát thó sùn sọt vào mõng nó, giữa khóm vẩy nà, lóc ra tảng thịt còn nóng hổi, đỏ lòm, rùng rùng máu. Lão róc một cành ổi làm xiên.

Khói bốc lên nghi ngút. Dĩ nhiên lão không biết rằng đó vẫn là thứ khói lửa mà tổ tiên đã nhóm hàng nghìn năm về trước, khi rừng nguyên sinh còn trải ra bạt ngàn hai bên bờ dòng Nhị Hà đỏ ngầu như máu.

Trong sương mù, không gian dần dần ngả sang màu lam xám. A ha, nước miếng tứa ra đầy miệng. Lần đầu tiên lão được nếm thịt bò. Lão vẫn nhớ đó là một tảng thịt. Hai hàm răng to khoẻ đầy bựa cắn ngập vào lớp cơ nhún nhũn vừa kịp ám khói.

Ngay lập tức lão nôn ộc ra như người say rượu. Mùi gì gây rợn xông lên không sao chịu nổi. Lão ngồi phịch xuống đất. Xung quanh lênh láng mặt xanh mặt vàng. Lão cảm thấy người lạnh toát, nhom nhóp, ruột gan lộn tung phèo. Bên kia đồi trời hoàn toàn lặng gió. Chẳng hiểu sương hay một cột khói im lìm?

Đột nhiên lão rùng mình, lão sợ nghĩ đến mùi thịt người. Trong làng người ta thường lưu truyền câu chuyện rừng rợn về ai đó chuyên bắt trẻ con về nấu cháo. Những ý nghĩ khủng khiếp nối nhau. Lão khạc nhổ, oẹ khan, cảm thấy vị mặn của máu tứa ra trong cổ họng. Chính lão cũng không nhớ mình đã kéo xác con bê xuống suối như thế nào. Điều chắc chắn là lão đã quên không cởi giày. Nước suối lầy nhầy, đen thẫm. Lão dìm con bê xuống giữa tảng đá phủ đầy rêu trơn nhầy.

Đêm ập xuống rất nhanh cùng với một trận mưa dữ dội. Đúng là trời còn thương lão.

Nửa đêm, trong tiếng mưa rơi, lão nghe tiếng người ồn ào đi tìm thằng Túc. Rõ cả tiếng khóc thút thít của cô Bống con nhà Cả Lễ. Nhà lão không có cửa, đám người cầm đuốc kéo vào nhà, nước rỏ tong tong xuống nền đất.

- Tôi chẳng nhìn thấy thằng Túc, cũng chẳng thấy con bê nào sát! - Lão giả đò ngái ngủ.

May mà không ai để ý đến chân lão đang run bần bật. Không một ai nghi ngờ. Tiếng chân người lép nhép xa dần - họ đi về phía dốc Cồn. Phải hai ngày sau lão Phụng Sò đánh xe lên lấy đá ong mới trông thấy xác con bê trôi mãi xuống hạ lưu, gần tới Thiệu Bàn.

Nhưng lão vẫn không thể yên tâm. Lúc nào đám người cũng có thể bắt thần quay lại. Mùi gậy thì vẫn không hề giảm bớt, mặc dù sườn đồi đã được mưa gột sạch. Nhiều khi bất giác, lão hoảng hốt quay lại đằng sau. Lão run lên mỗi lần nhìn thấy từ đằng xa thấp thoáng bóng người.

Cuối cùng, lão hiểu rằng mùi gây bốc lên từ gốc ổi. Đúng là mùi thịt người. Dưới đó thằng Túc đang thối rữa. Lão không còn dám vật ổi về chấm muối nữa. Lão lấy đất đồi đắp lên. Công việc thoát đầu giống như người ta vun gốc, nhưng rồi ụ đất cao dần, lút cả ngọn cây.

Đến nước ấy thì dân làng đều phải nghĩ rằng lão hoá điên. Người ta bắt đầu đem lão ra làm ngoáo ộp dọa trẻ con. Không ai nhờ lão sửa chuồng bò nữa, chỉ còn Phụng Sò chột mắt là dám đến gần lão mà thôi. Lão quên hẳn lối vào làng. Ban ngày đào đá ong, ban đêm lão lại hì hục vác đất đắp gò. Công việc giống như món cháo lú giúp lão quên đi tất cả (cũng có thể chính thời gian mới là món cháo lú, nhưng đồng thời lại tạo dựng thói quen?)

Không biết tự bao giờ tóc lão đã kịp bạc trắng. Đôi giày rách hẳn, lão đặt lên bàn thờ. (Giá như ngày trước dân làng lại tha hồ đàm tiếu). Tay bắt đầu run, nhưng lão vẫn không thể rời cán thóc. Mỗi bữa lão vẫn cố ăn hết ba lưng cơm độn sắn. Phụng Sò chết lâu rồi. Thằng Bản thay cha hai tuần một lần đánh xe lên lấy đá...

Lão vẫn không ngừng việc đắp gò. Và lão vẫn nhớ cái tổ cùng cùng trên má cô Bống nhà Cả Lẽ. Một hôm lão quanh co hỏi qua thằng Bản. Nó ngẩn người rồi phá lên cười: - Cô Bống ấy à? Sắp xuống lỗ rồi. Kia kìa, cháu nội cô ấy đấy!

Lão ngẩng lên và đánh rơi chiếc thóc. Trước mắt lão là thằng Túc. Nó đang vào vạo khóc. Vẫn mái tóc loe hoe cháy nắng. Hóa ra nó đi tìm bê lạc.

Lão định nói rằng chẳng nhìn thấy con bê nào sát, nhưng bỗng nhìn thấy máu phun ra lênh láng dưới chân. Một ngón chân cái bị lưỡi thóc chặt đứt, chỉ còn lại mẩu da lủng lẳng. Lão vội vàng lê vào rệ cỏ, bứt lá rịt vào vết thương. Bấy giờ lão mới lại nhớ đến thằng Túc. Nhưng nó đã không còn ở đó.

Lần đầu tiên trong đời lão ốm. Trong người gai gai ớn lạnh, lão về nhà sớm, nấu cháo, nhưng miệng đắng ngắt, không sao nuốt nổi. Bên tai không ngừng văng vẳng tiếng khóc của thằng Túc. Mà có phải thằng Túc thật không? Chẳng lẽ nó từ dưới đất chui lên?

[**Lược một đoạn:** Lão tỉnh dậy, nghi ngờ mọi chuyện chỉ là giấc mơ nên vội ra gò đất đào bới suốt năm ngày. Lão tìm thấy bộ rễ cây mục và đất trắng dưới hố, không thấy xác thằng Túc, liền mừng rỡ nghĩ thằng bé còn sống. Nhưng lão lại nghi ngờ rễ cây đó có phải rễ ổi độc hay không nên quyết tâm tiếp tục đào để làm rõ thực hư.]

(Ngô Tự Lập – Nguồn: Báo: VnExpress Giải trí)

* Chú thích:

- Ngô Tự Lập (sinh năm 1962, Hà Nội) là nhà văn, nhà thơ, dịch giả và nhà nghiên cứu văn hóa. Ông từng là thuyền trưởng Hải quân, tốt nghiệp Đại học Hàng hải Liên Xô, Đại học Luật Hà Nội, và có bằng Tiến sĩ Văn học tại Mỹ.
- Ngô Tự Lập bắt đầu sáng tác từ năm 1989. Ông hiện là Viện trưởng Viện Quốc tế Pháp ngữ, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Văn chương của ông giàu triết lý và mang tính quốc tế.

(1) Vây nà: một loại rong nước ngọt.

(2) Thóc: dụng cụ đào đá ong.

3.

Vành khăn tang màu nâu đất

Đám tang bà Bân mẹ thằng Hồi, cả làng Ao Liễn đều khóc. Khóc vì những nỗi bất hạnh, vất vả, khổ đau đến tột cùng của một người mẹ xấu số.

Người đưa tang nhìn thằng Hồi, ngạc nhiên hỏi nhau:

- Sao cái khăn tang trên đầu thằng Hồi lại thế kia?

Mọi người nhìn ra, thấy đầu thằng Hồi chiếc khăn tang màu nâu đất nhàu nhĩ giữa những chiếc khăn tang trắng sạch sẽ, gập nếp của thân quyến nhà bà Bân. Dân làng tỏ ra căm cảnh. Nghèo mấy thì nghèo chứ đám tang mẹ mà không có nỗi chiếc khăn hăn hoi hay sao? Bàn ra tán vào mãi vẫn chẳng ai hiểu sự tình. Hồi ông trưởng xóm cũng chỉ được giải thích bằng mấy câu chung chung:

- Giờ phát tang, thằng Hồi cứ một mực nói nó chỉ đội chiếc khăn tang ấy, không nhận bất cứ chiếc khăn nào khác.

Mọi người không ai hiểu nỗi, chỉ ngậm ngùi xen chút oán trách nhìn thằng Hồi xiêu vẹo đi theo quan tài mẹ với vành khăn tang màu nâu đất nhem nhuốc.

Sau cái chết của mẹ, thằng Hồi bơ vơ bơ ngác giữa cuộc đời. Dân làng thương nó và cũng không tránh nỗi nỗi lo giờ đây không còn mẹ, thằng Hồi sẽ lại tiếp tục nhún thêm vào con đường nghiện ngập. Mấy năm qua, nó đã cố gắng cai nghiện mà không nổi. Chính vì hút hít mà thằng Hồi đã đưa gia đình xuống vực thẳm. Cái chết của bà Bân, nói cho cùng, cũng là do nó mà nên.

[Lược một đoạn: Hồi mồ côi bố từ nhỏ, sống với mẹ trong cảnh nghèo khó nhưng được mẹ cho ăn học đầy đủ. Tuy nhiên, khi làng Ao Liễn bùng lên phong trào khai thác quặng thiếc, Hồi bỏ học để lên bãi quặng kiếm tiền. Ban đầu, Hồi kiếm được nhiều tiền, mua sắm đồ đạc và xây nhà cho mẹ. Nhưng khi chính quyền cấm khai thác quặng, Hồi trở về nhà với tâm trạng bồn chồn, tiêu tiền phung phí và dần quên mất việc học, khiến mẹ cậu buồn lòng vì không thực hiện được di nguyện của bố.]

Rồi cái gì đến cũng phải đến. Một buổi trưa, bà đang tranh thủ mò cua, bắt cá kiếm thêm chút thức ăn thì có tiếng gọi thất thanh:

- Bà Bân ơi! Bà lên ngay ủy ban mà đưa thằng Hồi về. Mấy đứa túm tụm chích ma túy ở xóm bên, công an bắt đang ở trên xã kia rồi.

Chiếc chậu nhôm tuột khỏi tay bà, mấy con sắn sứt, đồng đồng văng tung tóe xuống mặt ruộng. Thằng Hồi chích ma túy! Bà bủn rủn ngã ngối xuống đất.

Sau cái hôm ở ủy ban về, thằng Hồi làm lười xám xịt như cái bóng. Nó tránh mặt tất cả mọi người trong làng. Thỉnh thoảng lại thấy nó lẩn đi vào giữa trưa hay nhá nhem tối. Nhìn con mỗi ngày một tiêu tụy, bà Bân héo từng khúc ruột.

Có lần, Hồi sa nước mắt nói với mẹ:

- Mẹ lấy thừng trói con vào cột nhà đi.

Bà kinh ngạc:

- Sao lại trói?

Hồi cau có:

- Để con cai nghiện. Làm thế, may ra mới cứu được cả hai mẹ con.

Nhưng rồi chỉ được mấy hôm, đi làm đồng về, bà nhìn thấy chiếc dây thừng chổng chơ dưới chân cột.

Bà nghe người ta nói, những người đã chích thuốc thì không thể cai được. Có lẽ nào cuộc đời thằng Hồi không còn lối thoát. Nghĩ vậy, bà mất ăn, mất ngủ. Nỗi khổ của bà kêu tận trời xanh không thấu.

Thằng Hồi đã trở thành kẻ táng tận lương tâm. Nó gọi người đến bán cái giường mà ngày trước nó mua cho mẹ, rồi vo nắm tiền lao đi như con thú đang bị săn đuổi. Sau buổi đó, cứ mỗi ngày nó lại nhặt nhanh bán đi một thứ. Chẳng mấy chốc, căn nhà trống trơn, chỉ còn lại cái bóng xiêu vẹo gầy xơ của mẹ nó. Bà Bán nhặt đâu được cái niêu đất. Đó cũng là cái vật dụng duy nhất để bà thổi nấu cho hai mẹ con.

Ngày nào Hồi cũng giương cặp mắt đỏ như cá chày, nói với mẹ:

- Không thể cai được nữa đâu mẹ ơi. Con xin lỗi vì từ đầu đã không nghe lời mẹ. Bây giờ thì đã muộn quá rồi.

Bà Bán cạn khô nước mắt vì con, nhưng cũng chẳng làm được gì hơn là ngày ngày cố vắt cạn sức trên đồng ruộng để kiếm bát cơm cho hai mẹ con sống qua ngày. Buổi trưa nào khi xong việc đồng bà cũng phơi nắng, cố bắt được nắm cá con để mang ra chợ bán. Những đồng tiền bán cá ít ỏi ấy luôn bị Hồi lột hết. Bà biết nó dùng số tiền ấy để làm gì, nhưng bà buông lòng. Bà không thể chịu nổi những cơn vật khủng khiếp của đứa con tội nghiệp khi không có tiền mua thuốc.

Hôm nay nóng quá, Hồi đang nằm sõng soài trên nền đất trong buồng thì nghe tiếng bước chân chạy vội cùng tiếng người xông xáo:

- Đưa....đưa bà ấy vào đây!

Hồi chồm dậy lao ra. Mẹ nó nằm còng queo trên cái giường long chân, hai mắt nhắm nghiền, những vệt đất bùn còn dính đầy trên khuôn mặt hốc hác sạm nắng. Hồi thét lên:

- Mẹ...Mẹ...Mẹ ơi!

Nó lao đến ôm lấy cái thân gầy xơ xác của mẹ. Một bàn tay bà Bán nắm rất chặt như đang giữ một vật gì đó hửn là quý giá lắm, nên giữa ranh giới cái sống và cái chết, bà vẫn quyết bảo vệ bằng được. Hồi cố gỡ bàn tay co quắp của mẹ. Cố gắng lắm nó mới kéo ra được. Những ngón tay héo quắt của bà Bán vừa duỗi ra, một con sán sắt lẩn trong bùn lặn xuống chiếu. Hồi gào lên, úp mặt xuống bàn tay mẹ khóc như điên dại.

Anh y sỹ tháo chiếc ống nghe từ tai ra, lấy cái đèn pin soi vào mắt bà Bán, lắc đầu nói với mọi người:

- Bà ấy đi rồi.

Ông trưởng xóm đặt tay lên đôi vai gầy đang run lên của Hồi, khẽ giục:

- Thôi, cháu buông màn xuống cho mẹ rồi ra đây bàn chuyện với bác.

Hồi lập cập đứng lên kéo cái màn xuống. Nếu như không mắc ở trên giường thì không ai nghĩ đây là cái màn, vì trông nó như một cái vỏ rách bươm, bùng nhùng một màu nâu đất do ám khói. Đó chính là cái màn mà mấy người thân cận trong xóm đều biết bà Bán đã phải lặn lội đi bán máu ở bệnh viện để lấy tiền mua cho thằng Hồi với mong ước nó có thể tiếp tục đi học. Chuyện này, cho đến gần đây thằng Hồi mới được người láng giềng kể cho nghe.

* * *

Đám trẻ trâu trong làng vừa chạy từ đồi Keo xuống vừa hoảng loạn la hét:

- Anh...Hồi...Anh...Hồi!...chết bên mộ mẹ...rồi....

Dân làng học tốc chạy lên. Thăng Hồi hai tay ôm lấy mộ mẹ, một chân xích vào gốc cây keo gần đấy, bên cạnh là chiếc ba lô ngày trước nó vẫn thường đeo đi học. Chẳng biết có gì trong ấy mà căng phồng.

Chiếc ba lô được mở. Thì ra toàn là sách vở của lớp 12. Dưới đáy ba lô là cái màn màu nâu đất. Một góc màn bị xé toạc. Mọi người sững sốt nhận ra mảnh màn bị xé chính là cái khăn tang mà Hồi đã đội trên đầu.

Nhìn cảnh tượng ấy, ai cũng ngậm ngùi. Người láng giềng nhà Hồi tỏ ra hiểu biết:

- Nó định xuống đấy để làm lại tất cả mọi chuyện mà ở trần gian nó bất lực. Chiếc khăn tang của nó không phải là khăn tang bình thường đâu bà con ạ. Nó đội máu của mẹ nó lên đầu đấy.

Ngày làm tang lễ cho Hồi, người làng Ao Liễn vừa đốt từng trang sách vừa cầu nguyện cho nó được học hành thành đạt, điều mà khi ở trần gian, do đi sai đường mà hai mẹ con Hồi không thực hiện được.

(Đào Nguyên Hải, báo Văn nghệ Thái Nguyên, ngày 20/4/2017)

* Chú thích:

Đào Nguyên Hải là nhà thơ, nhà báo, sinh năm 1964 tại Thái Nguyên. Ông hiện là Phó Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên. Ông từng tham gia quân ngũ, sau đó công tác trong lĩnh vực báo chí và văn học nghệ thuật. Đào Nguyên Hải sáng tác nhiều tác phẩm thơ, truyện ngắn và bút ký với nội dung phản ánh sâu sắc cuộc sống người dân vùng núi. Ông đã nhận nhiều giải thưởng văn học từ Hội Nhà văn Việt Nam và các tổ chức địa phương.

4.

Nhàn Mai

(Lược đoạn mở đầu: Lượng cùng tiểu đội lính pháo binh về làng Đăng đóng quân trong những ngày đầu kháng chiến. Họ xin ở nhờ nhà một bà cụ nghèo. Nhà chỉ có hai mẹ con, cô con gái là du kích, tên Thận...)

Chúng tôi đóng quân trong làng, cấu trúc trận địa phòng ngự xong thì giặc tràn tới. Chúng từ các làng mạn trên thị xã tiến xuống. Tiếng súng cối nổ từ sáng sớm. Trên mé đường cái, xe cộ, súng ống, lính Tây, lính ngụy bắt đầu dàn đội hình chuẩn bị tiến vào làng. Trong bữa cơm liên hoan, quân dân ở sân đình, các cụ phụ lão cùng ban chỉ huy bộ đội đã chỉ tay về hướng địch mà thề sống chết có nhau. Đơn vị chúng tôi hôm đó phòng ngự cố thủ. Gần hai trăm đồng bào không chịu tản cư, cương quyết ở lại cùng bộ đội đánh giặc. Đội du kích xã bám sát bên từng hố chiến đấu của chúng tôi. Gần chiều, các làng xung quanh trông thấy lửa bốc lên từ lũy tre làng Đăng. Địch đã chiếm được nửa làng. Tôi bị thương nặng. Địch xung phong vào lối ngõ nhà Thận, nhà tôi ở. Lúc trông thấy những bóng áo trắng của lính Tây lấp ló sau cái ngõ trống, tôi bảo Thận: “Cô quay lại phía sau xem đồng bào còn ai thì dắt xuống hầm, mau!”. Thận không nghe. Cô chỉ có một thanh mã tấu, liền vứt thanh mã tấu xuống, nhặt lấy cây tiểu liên của tôi bắn chết một tên địch rồi xông tới lui về phía sau. Đêm ấy, đơn vị chúng tôi phá vòng vây thoát ra ngoài. Trừ một số du kích ở lại bám sát địch, nhân dân lại gồng gánh

ra đi theo bộ đội. Một hàng cáng thương binh từ sân đình theo con ngòi sau làng lặng lẽ tiến ra bờ sông Thong. Tôi nằm trên chiếc võng bà mẹ Thận thường hay nằm. Người cáng tôi đêm ấy chẳng phải ai khác lại chính là Thận. Năm năm rồi, lúc nào tôi cũng như trông thấy một mép khăn mỏ quạ bay lất phất trên cái cổ cao rám nắng, và thanh mã tấu in hằn xuống một bên vai áo nâu cứ đánh lách cách bên thanh đòn khiêng.

[...] Đêm ấy trời chưa lạnh lắm. Không có sóng nhưng tôi vẫn nghe tiếng róc rách dưới lưng. Bầu trời đỏ lửa, nhưng vẫn đầy sao. Mỗi vì sao như những con mắt nhấp nháy nhìn chúng tôi. Thận đỡ tôi nằm trên tấm ván lát mạn đò. Giữa trời sao khuya, một đôi mắt đen và to khẽ chớp. Tim tôi đập rộn lên trong cái chớp mắt ấy. Thận cẩn thận gài lại mép chăn cho tôi rồi cúi xuống, sát hơn: “Anh chóng lành để trở về giết thật nhiều giặc nhé - Anh đừng quên em!” Tôi thò tay ra ngoài mép chăn nắm chặt lấy bàn tay ram ráp bụi cát và ấm áp. Thận nhẹ nhàng xô đò ra. Tôi nằm dưới đò, nghe tiếng sóng Thong vỗ nhẹ nhẹ và nhìn theo cái bóng bé nhỏ của cô du kích đi khuất trong những vạt lúa đang trổ. Tôi phỏng đoán sáng ngày mai địch lại tiếp tục càn lớn.

(Lược một đoạn: Nhân vật tôi kể lại lần về làng Đảng tìm gia đình Thận. Nhà Thận bị giặc đốt, chưa kịp dựng lại. Hai mẹ con đi nơi khác. Nhân vật tôi viết lại mấy chữ rồi gài vào gốc cây mai với hi vọng một ngày Thận sẽ về và nhận được tin mình. Cuối cùng nhân vật tôi cũng tìm được Thận sau năm năm)

[...] Chúng tôi gặp nhau quá đột ngột. Cổ tôi như bị nghẹn. Dưới ánh sao lơ mờ, tôi khao khát ngắm khuôn mặt Thận và để cho tình yêu giấu kín bấy lâu tự nó trào lên trong lòng mình. Chúng tôi đều mừng và xúc động không nói nên lời ... Thận châm một ngọn đèn nhỏ. Bên ánh đèn, tôi thấy khuôn ngực Thận phập phồng. Tôi biết Thận đang xúc động. Tôi thương Thận quá! Mới mấy năm mà trông Thận gầy và già đi nhiều. Đôi mắt ngày xưa trong sáng bây giờ đã thâm quầng, hằn lên những nét lo nghĩ. gương mặt trái xoan hiền hậu cũng trở nên rắn rỏi và cương nghị.

Tôi không biết hỏi chuyện gì trước với Thận. Thời gian chúng tôi xa nhau có bao nhiêu chuyện xảy ra.

- Bây giờ nhà ta ở đâu, em? – Tôi buột miệng hỏi.
- Em ở nhiều nơi, thỉnh thoảng mới tạt về nhà.
- Vậy mẹ ở đâu?
- Mẹ mất rồi!
- Sao?
- Chúng nó giết mẹ rồi, anh ạ!

Tôi ôm khẩu súng vào lòng, đầu óc choáng váng. Tôi hỏi thêm:

- Bây giờ em làm gì?

Thận ngồi sát tôi hơn:

- Em hoạt động cho đoàn thể.
- Em được kết nạp vào Đảng rồi ư?
- Vâng.

Tôi đặt bàn tay lên bên vai gầy gò của Thận - một người đồng chí - và nhìn ra ngoài. Bên ngoài bóng đêm vẫn dày đặc...

(Nguyễn Minh Châu, *Tuyển tập truyện ngắn*, NXB Văn học, 2006).

* Chú thích:

- Nguyễn Minh Châu là một ngôi bút có ảnh hưởng lớn đối với nền văn học Việt Nam vào giai đoạn chiến tranh và thời kỳ đổi mới. Là một nhà văn nhạy bén với sự thay đổi của thời đại, đặc biệt là thời kỳ chiến tranh. Mỗi tác phẩm của Nguyễn Minh Châu đều mang tính nhân văn rất cao. Ông là người đi tiên phong trong phong trào mở đường cho công cuộc đổi mới văn học, luôn đi tìm sự thật và viết lên những góc khuất trong đời sống mang đến nhiều dư âm cho bạn đọc.
- *Nhàn mai* là một trong bảy truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Minh Châu in trong tập truyện đầu tay *Những vùng trời khác nhau* 1970. Tập truyện đã bộc lộ một số đặc điểm trong bút pháp của Nguyễn Minh Châu là sử dụng hình ảnh mang tính biểu tượng: *nhàn mai*, *mảnh trăng* (*Mảnh trăng cuối rừng*), *dòng suối* (*Suối nguồn*)...

5.

Giàn Bầu trước ngõ

Tôi không thích khi cưỡi xe vào tận thềm nhà lại phải rạp mình dưới giàn bầu ấy. Chị và mẹ tôi lại ngại tóc rối. Cha tôi khó chịu khi phải dắt quan khách lên lối bên mấy trái bầu để vào căn nhà sang trọng. Nhưng không ai dám chặt phá giàn bầu bởi nó của bà nội tôi. Bà trông nó từ hồi trong quê ra. Thoạt đầu, chị em chúng tôi thích lắm, chiều chiều lon ton xách thùng ra tưới. Chúng tôi tưới như tưới hoa. Nội cười- “Bay tưới như thần lẩn đất”. Rồi bà đổ nước soàn soạt, chúng tôi nghe theo, đổ nước soàn soạt. Dây bầu lớn. Trong cái nách mập mập lú ra mấy trái con xanh xanh. Trái bằng đầu đũa, bằng ngón tay, cườm tay rồi to to mãi. Bữa canh đầu tiên cả nhà háo hức, nuột tuột từng miếng bầu trong veo, ngọt lịm. Ba gật gật khen ngon, day sang trách mẹ “sao trước giờ không mua bầu mà nấu ăn bà ta?”

Một lần, hai lần rồi ba lần, chúng tôi ngán tận cổ. Mà, chết thật, nội tôi cứ trồng mãi, trồng mãi, giàn bầu ngày càng rộng ra choán hết khoảng sân kiếng của cha xanh rậm rì. Trái già đến vàng khô, không ai ăn, bà mang cho hàng xóm. Hàng xóm chúng tôi cũng giàu có, họ chê nhưng cũng nhận bởi họ nể cha tôi. Nhiều quá, sớm sớm, chiều chiều, nội mang ra ngõ, này cho chị xôi chè một quả: “ăn lấy thảo”, này cho bác xích lo trái bầu “về nấu cho sắp nhỏ”. Rồi bà lại trồng. Chị Lan nhăn nhó:

- Nội ơi, trồng chi nhiều vậy?

Bà nội cười, buồn buồn.

- Nội làm lật vật quen rồi. Trồng trọt để đỡ nhớ quê.

[...]

Mùa này nhiều trái bầu khô, nội hái vào móc ruột ra, lấy cái vỏ mần mĩ gọt. Lâu lâu nội đưa lên nhìn, nheo nheo mắt. Tôi hỏi, nội gọt gì. Nội cười, đưa cho tôi mảnh vỏ dày hình trái tim nở xịu.

- Mặt đây chuyển cho tụi nhỏ đeo.

Tôi không nén được xùy một tiếng.

- Thời này ai đeo mấy thứ này, nội làm chỉ mắt công.

Trong đôi mắt đục đục của bà, tôi thấy có một nỗi buồn sâu kín. Con chị bếp dưới quê lên, bà gói dúi vào tay nó mấy mảnh bầu. Con nhỏ hơn hờ, vui thiệt là vui. Cũng niềm vui ấy, con bé bán vé số lớn lên cười "Bà dẻo đẹp ghê ha". Hôm sau tôi thấy nó xúng xính xỏ cọng chỉ vào, đeo tòn ten trước cổ lạ lắm. Hình như tôi ngắm vàng ròng, cảm thạch quen rồi. Tôi xin, bà móm mém cười "Bà để dành cho bay cái đẹp nhất nè".

Tôi gói trái tim xúu xúu kia bỏ vào ngăn tủ, chị Lan trông thấy giành "cho chị đi". Tôi lắc đầu. Chị giận bảo "chị cóc cần, ở chợ bán hàng khối". Nhưng rồi chị quay về nài nỉ tôi. Lần đầu tiên, tôi thấy món quà của nội dễ thương đến thế.

Giàn bầu vẫn trước ngõ. Cha tôi đã thôi khó chịu, hay bực dọc riết rồi chai đi, chẳng biết bực là gì nữa. Nhưng khách đến nhà, ai cũng khen "anh ba có giàn bầu đẹp thiệt". Họ sấm soi, từng mảng lá cuốn hoa. Khách nước ngoài còn kẻ má bên trái bầu xanh lún phún lông tơ mà chụp hình kỷ niệm. Mấy anh chị sinh viên đạp xe ngang dừng lại nhìn đầu đầu qua rào rồi kháo nhau "Nhớ nhà quá, tụi mày ơi". Chiều chiều, tôi ra giàn bầu xanh rươi, mơ màng nghe con ong vò vẽ trên từng phiến lá, chớp mắt nhìn chim sâu lách rích chuyển cành, chuồn chuồn rồi bướm rồi hoa thì nhau nở chấp chới. Bà nội tôi yếu hơn trước, mùa mưa bắt đầu lướt lướt đi qua. Ông chủ tịch đến chơi nhà, ôm chầm lấy nội, lắc lắc "lúc này má khỏe không?" Nội cười xoà mà nghe nghẹn nghẹn "khỏe, má khỏe". Cha tôi sai chị bếp mang rượu thịt ra ông chủ tịch khỏa tay:

- Thôi, chú bảo chị ấy nấu canh bầu ăn.

Cha hắng mặt. Chị bếp lúi húi gọt bầu, mùi nước canh xông vào mũi thơm lừng. Ông chủ tịch day qua bà nội khoe "lâu quá không ăn canh bầu rồi, má!" nội cười: "má nhớ bay thích nhất là ăn bầu nấu tép bạc". Cha đôi dợm mình "để con đi mua tôm". Ông chủ tịch ấn vai, bảo "thôi, chú cứ ngồi xuống, anh thêm lắm rồi, không chờ chú được đâu". Hôm ấy cả nhà tôi ăn lại bát canh ngày xưa, nghe ngọt lịm lịm lưỡi. Chị bếp ngó nội, khoái chí cười đầy hàm ý. Hình như nội tôi vui.

[...]

Bà nội lẩn thờ lẩn thẩn rồi, mà hình như bà chỉ nhớ về quá khứ. Nội hay ra ngoài hiên, chăm chăm nhìn giàn bầu đang run rẩy trong gió. Bà ngồi đấy lặng lẽ, thần thờ, như chờ một tiếng vạc sành, một tiếng ếch kêu. Tay bà lạnh ngắt, tôi chạy vào phòng lấy lọ dầu thoa, vẫn thấy mảnh bầu trái tim màu vàng trong ngăn kéo, cái màu vàng như của rạ, của lúa, như của mái nhà lá nhỏ lơ phơ dưới nắng chiều. Giàn bầu vẫn trước ngõ, có kẻ đi qua kêu lên, "tôi nhớ nhà". Cha tôi bảo: "có thể bứt người ta ra khỏi quê hương nhưng không thể tách quê hương ra khỏi chúng trái tim con người." Và cha tôi lại nói đúng.

(Nguyễn Ngọc Tư, nguồn: sach.info/story.php)

* Chú thích:

- Nguyễn Ngọc Tư (sinh năm 1976) là một trong những nhà văn nổi bật của văn học Việt Nam hiện đại. Bà sinh ra và lớn lên tại Đầm Dơi, Cà Mau - một vùng đất miền Tây sông nước, nơi đã ảnh hưởng sâu sắc đến phong cách sáng tác của bà. Văn chương của Nguyễn Ngọc Tư thường tập trung khắc họa cuộc sống người dân miền Tây Nam Bộ với vẻ đẹp mộc mạc, giản dị và đôi khi đầy trăn trở.

- Nguyễn Ngọc Tư nổi tiếng với giọng văn giàu cảm xúc, lời văn chân thật, giàu hình ảnh và luôn chứa đựng những suy ngẫm sâu sắc về con người, thiên nhiên, và xã hội.
- *Giàn bầu trước ngõ* là một trong những truyện ngắn tiêu biểu của Nguyễn Ngọc Tư, mang đậm phong cách viết giàu chất thơ và giàu cảm xúc của bà.

6.

Quê Mẹ

*Chiều chiều ra đứng cửa sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều*
(Ca dao)

Cô Thảo ra lấy chồng đã ba năm. Anh Vận chồng cô hiện làm hương thư ở làng Mỹ Lý [...] Ngày nào anh ta cũng đi nhà này qua nhà khác phát thư rồi chiều đến phải ra tận đình để lấy hòm thư đem lên huyện. Công việc của anh tuy vất vả, nhưng lương tháng - hay nói cho đúng lương năm - của anh trông ít quá. Làng chỉ trích cho anh ta ba mẫu ruộng và năm đồng bạc làm tiền lộ phí. Nhưng năm đồng ấy thì không bao giờ anh nhận được. Vì các viên chức đã khéo léo trừ với món tiền phải đóng sưu này thuế khác gần hết.

Cô Thảo ra lấy chồng vốn liếng không có nên không đi buôn bán gì hết. Cả nhà chỉ trông vào sáu mẫu ruộng tranh và ba mẫu ruộng làng để sống năm này tháng khác.

(Gần đến ngày giỗ ông, cô Thảo muốn xin chồng về làng, lại không muốn nói thẳng. Anh Vận xin mẹ cho vợ về làng ăn giỗ. Mẹ chồng bảo cô mang buồng chuối mật trong vườn về giỗ ông, lại cho cô một hào để đi đò. Anh Vận cũng chạy quanh xóm mượn chỗ này, chỗ khác để cho cô Thảo thêm bốn hào nữa).

Tối hôm ấy cô Thảo không đi ngủ sớm. Cô đặt con ngủ yên bên chồng xong lại lật đật xách dao ra sau vườn chuối. Loay hoay một lúc lâu cô mới đem được buồng chuối mật vào nhà. Cô đem để vào một góc thật kín vì cô sợ nửa đêm chuột đến khới⁽¹⁾..... Sắp đặt đâu đó xong xuôi cô mới lên giường nằm ngủ.

Trời tờ mờ sáng cô Thảo đã trở dậy sớm sửa đi về làng. Làng cô ở cách xa làng Mỹ Lý hơn mười lăm cây số. Vì vậy nên mỗi năm cô chỉ được về làng chừng hai ba lượt là nhiều. [...]

Đi chưa được bốn cây số cô Thảo đã thấy mỏi. Cô tự nhận thấy sức cô yếu hơn trước nhiều lắm. Cô muốn đi đò⁽²⁾ cho đỡ chân, nhưng sức nhớ đến những món quà cần phải cho em, cô lại gắng gượng đi nhanh hơn trước.

Về đến làng cô Thảo gặp ai cũng đón chào niềm nở⁽³⁾. Lòng cô lúc ấy nhẹ nhàng và vui sướng lắm. Còn họ gặp cô đi đường xa đã kêu réo⁽⁴⁾ om sòm⁽⁵⁾ như gặp được người sống lại..... Cô Thảo thấy người làng chào hỏi mình vốn vãn⁽⁶⁾ nên đáp lại rất vui vẻ [...]

Đến trưa hôm ấy thì cô về đến nhà. Mấy cậu em đua nhau ra níu⁽⁷⁾ áo chị. Cô Thảo xoa đầu đứa này đỡ cầm đứa khác, nụ cười trên môi cô không khi nào tắt. Trông thấy mẹ trong nhà đi ra cô mừng quá. Cô chạy lại đứng bên mẹ cảm động quá đến rưng rưng nước mắt. Một lúc sau cô đưa thằng Lụn cho mẹ ẵm rồi đi thẳng vào nhà để chào những người quen biết.

Bà Vạn cứ quần quít bên cháu, bên con quên cả ngày giờ. Bà giới thiệu cô Thảo với người này người khác, bà nhắc đến chuyện cô Thảo lúc cô còn năm sáu tuổi. Bà kể đến đoạn nào bà cũng có ý khoe cô Thảo đức hạnh và khôn ngoan đủ thứ. Bà nói mãi mà không biết chung quanh bà không ai nghe bà hết. (Tóm tắt một đoạn: Mọi người thắc mắc sao anh Vạn không về, cô Thảo nói anh bận việc quan).

Sáng hôm sau, cúng cơm sáng xong xuôi, cô Thảo lại sắm sửa đi qua làng Mỹ Lý. Cô gọi mấy đứa em đến gần rồi cho mỗi đứa năm xu. Trong nhà ai cũng khen cô rộng rãi và biết thương em, nên cô vui sướng lắm. Đang lúc cao hứng cô còn hứa sẽ gửi cho mẹ một cặp quần áo mới để mặc Tết nữa. Nhưng chính cô cũng không biết sẽ lấy đâu ra cặp quần áo ấy. Chỉ trong nháy mắt cô Thảo đã phân phát tất cả số tiền cô đã dành dụm trong một năm. Lúc sắp sửa lên đường, bà Vạn cho cô nửa con gà và một gói xôi để về nhà chồng. Lúc ra đi cô cảm động quá, đứng bên mẹ và mấy em khóc nức nở.

Về nhà chồng, cô Thảo lại làm việc từ mai⁽⁸⁾ đến chiều, tối tắm cả mày mặt. Lúc nào cô cũng nhớ đến mẹ nghèo, đến em thơ, nhưng nhớ thì lòng cô lại buồn ngủi, trí cô lại bận rộn. Rồi chiều chiều gặp những lúc nhàn rỗi, cô lại ra đứng cửa sau vợ vẫn nhìn về làng Quận Lão. Nhưng làng Quận Lão ẩn sau đám tre xanh đã kéo một gạch đen dài trên ven đồi xa thẳm.

(Thanh Tịnh, *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 33, NXB Khoa học xã hội, 2000, tr.819-823)

* Chú thích:

- Thanh Tịnh (1911-1988) tên khai sinh là Trần Văn Ninh. Sáng tác của ông mang vẻ đẹp đậm thắm, tình cảm êm dịu, nhẹ nhàng. Hiện thực cuộc sống, thân phận con người qua ngòi bút của ông đượm chút buồn thương, có sức lay động tình cảm.

- Truyện ngắn *Quê mẹ* in trong tập truyện ngắn cùng tên, xuất bản năm 1941.

⁽¹⁾Khởi (phương ngữ): khoét, cắn từng ít một.

⁽²⁾Đò: thuyền nhỏ chở khách trên sông nước theo những tuyến nhất định.

⁽³⁾niềm nở: (tiếp đãi) vui vẻ, tỏ ra nhiệt tình, hiếu khách.

⁽⁴⁾réo: kêu, gọi từ xa bằng những tiếng cao giọng kéo dài.

⁽⁵⁾om sòm: (khẩu ngữ): ầm ĩ, gây náo động.

⁽⁶⁾vồn vã: vui vẻ, đầy nhiệt tình khi tiếp xúc.

⁽⁷⁾núu: nắm lấy và kéo lại, kéo xuống.

⁽⁸⁾mai: sáng sớm.